

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2026

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Quang Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Hương

Ông Nguyễn Văn Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: **Thôn A, xã Q (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An**. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số CCCD : 040174024781.

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Văn C**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: **Thôn A, xã Q (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An**. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số CCCD : 040066021524.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị **Lê Thị T** trình bày: Chị và anh **Ngô Văn C** đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q** (nay là **UBND xã Q, tỉnh Nghệ An**) vào ngày 20/02/2023 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 10/2025 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã lẫn nhau và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tình tính không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Ngô Văn C**.

Về con chung: Chưa có.

Tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh **Ngô Văn C** trình bày: Anh và chị **Lê Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q** (nay là **UBND xã Q, tỉnh Nghệ An**) vào ngày 20/02/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị **T** hay ghen tuông, không tin tưởng anh. Nay chị **Lê Thị T** xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chưa có.

Tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Lê Thị T** được ly hôn với anh **Ngô Văn C**.

Về con chung: Không có.

Chị **T**, anh **C** không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, riêng và nợ nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị **Lê Thị T** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị **Lê Thị T** với bị đơn anh **Ngô Văn C**. Anh **Ngô Văn C** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn A, xã Q (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An** nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh **C** không đến Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị **Lê Thị T** có đơn xin giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự

là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 1 điều 207 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị T** và anh **Ngô Văn C** lấy nhau có đăng kết hôn ngày tại **UBND xã Q, huyện Q** (nay là **UBND xã Q, tỉnh Nghệ An**) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung do tính tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên đã phát sinh mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, hai bên đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ chung sống vợ chồng từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên áp dụng điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **Lê Thị T** được ly hôn anh **Ngô Văn C** như quan điểm kiểm sát viên đã đề nghị là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị **T** và anh **C** không có con chung nên không xem xét.

[5] Tài sản chung, riêng và nợ: Chị **T** và anh **C** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho chị **Lê Thị T** được ly hôn anh **Ngô Văn C**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ: Chị **Lê Thị T** và anh **Ngô Văn C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị **Lê Thị T** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Lê Thị T** đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000122 ngày 08/01/2026.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *VKSND khu vực 4*
- *THADS tỉnh Nghệ an*
- *UBND (nơi thực hiện việc ĐKKH)*
- *Lưu HS, VP.*

Lý Quang Tình

